

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Quyết	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2010 (miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Chủ tịch Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010) (miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2010)
Ông Lê Đình Vinh	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2010)
	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Trịnh Hồng Quý	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Giáp	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2010)
Bà Trịnh Thị Minh Huệ	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2010)
Bà Nguyễn Hải Như	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2010)
Bà Trần Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2010)
Bà Trịnh Thị Minh Huệ	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2010) (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Bà Đinh Văn Trang	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm 31 tháng 8 năm 2010)
Ông Nguyễn Quốc Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm 31 tháng 8 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Số: 574 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 05 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm đầu tiên Công ty có công ty con và lập báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác. Công ty này đã phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 19 tháng 5 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

Thành viên
Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		176.777.992.400	18.864.871.699
I. Tiền	110	5	4.355.914.330	114.871.699
1. Tiền	111		4.355.914.330	114.871.699
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		148.018.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	148.020.480.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.480.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.096.302.315	9.250.000.000
1. Phải thu khách hàng	131		10.559.713.982	-
2. Trả trước cho người bán	132		154.455.000	9.250.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135		6.382.133.333	-
IV. Hàng tồn kho	140		352.468.928	-
1. Hàng tồn kho	141		352.468.928	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.955.306.827	9.500.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		663.059.437	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.331.724.553	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.960.522.837	9.500.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+260+269)	200		59.056.572.286	86.000.879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.580.649.191	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.580.649.191	-
II. Tài sản cố định	220		18.764.716.708	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	12.818.189.265	-
- Nguyên giá	222		14.340.588.058	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.522.398.793)	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	5.946.527.443	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.726.030.340	86.000.879
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.522.532.828	86.000.879
2. Tài sản dài hạn khác	268		203.497.512	-
IV. Lợi thế thương mại	269	10	34.985.176.047	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		235.834.564.686	18.950.872.578

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		15.391.061.860	172.923.403
I. Nợ ngắn hạn	310		15.391.061.860	172.923.403
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	908.886.510	-
2. Phải trả người bán	312		1.437.634.100	-
3. Người mua trả tiền trước	313		49.818.974	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.820.163.645	172.923.403
5. Phải trả người lao động	315		1.890.806.729	-
6. Chi phí phải trả	316		7.415.300	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	8.203.941.684	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		72.394.918	-
B. NGUỒN VỐN (400= 410)	400		219.520.996.753	18.777.949.175
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	219.520.996.753	18.777.949.175
1. Vốn điều lệ	411		170.000.000.000	18.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.000.000.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		77.794.918	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		38.897.459	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.404.304.376	777.949.175
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		922.506.073	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		235.834.564.686	18.950.872.578



Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
 Kế toán trưởng

10/2

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	57.646.612.535	181.818.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	25.429.483.035	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	32.217.129.500	181.818.182
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	17.063.880.502	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.153.248.998	181.818.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	6.023.708.321	935.000.000
7. Chi phí tài chính	22		652.448.254	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		124.243.055	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.940.713.728	173.849.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10.583.795.337	942.968.697
11. Thu nhập khác	31		293.785.700	-
12. Chi phí khác	32		1.563.259.181	-
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(1.269.473.481)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.314.321.856	942.968.697
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	2.730.206.339	165.019.522
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.584.115.517	777.949.175
Trong đó:				
16.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(236.726.979)	-
16.2. Lợi ích của cổ đông Công ty	62		6.820.842.496	777.949.175
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	612	432



Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Dương Minh Thông
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.314.321.856	942.968.697
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	621.012.049	-
Các khoản dự phòng	03	2.480.000	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.664.074.985)	(935.000.000)
Chi phí lãi vay	06	124.243.055	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.397.981.975	7.968.697
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	4.630.959.296	(18.650.000.000)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(33.093.427)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.922.613.584	(92.096.119)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	4.172.497.084	(86.000.879)
Tiền lãi vay đã trả	13	(124.243.055)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(246.490.060)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	250.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.964.825.397	(18.820.128.301)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.818.606.670)	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(148.020.480.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)	25	(46.864.674.094)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	27	1.162.391.654	935.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(203.541.369.110)	935.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	194.000.000.000	18.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	908.886.510	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.091.300.166)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	191.817.586.344	18.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.241.042.631	114.871.699
Tiền tồn đầu năm	60	114.871.699	-
Tiền tồn cuối năm	70	4.355.914.330	114.871.699

(i) Là chênh lệch giữa số tiền Công ty đã chi ra để mua cổ phần của Công ty Cổ phần FLC GolfNet và Công ty TNHH Hải Châu với giá trị 110.241.000.000 VND với số tiền thực có của Công ty Cổ phần FLC GolfNet và Công ty TNHH Hải Châu tại ngày mua là 63.376.325.906 VND.



Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

Dương Minh Thông
 Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

